

Bản án số: 74/2024/DS-ST

Ngày: 12/9/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Mai Văn Du

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Lê Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-DS ngày 20/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2024/QĐDS-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2024/QĐDS-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Công ty TNHH M1; Địa chỉ trụ sở: Tầng E Khối E Tòa nhà C, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền T, chức vụ: Giám đốc.

***Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:*** Công ty Cổ phần M2; Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Huy M, chức vụ: Giám đốc trung tâm Xử lý nợ; Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Đình L và ông Lê Đăng H (Theo Văn bản uỷ quyền số 8008/2024/UQ-XLN-JUPITER ngày 12/8/2024) (ông L có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1979; địa chỉ: A L, tổ C (cũ), phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Bà N vắng mặt lần thứ 2).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 30/06/2023, Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty TNHH M1 (GalaxyDT) đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ Số 3-30/6/2023/GLX-VPB và Phụ lục đính kèm. Theo đó, V1 đồng ý bán và GalaxyDT đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà Trần Thị Thanh N bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà Trần Thị Thanh N đã ký kết với V1.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER và Phụ lục đính kèm giữa Công ty TNHH M1 (M1) với Công T1 thì G đồng ý bán và Công Ty cổ phần M2 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1) là bà Trần Thị Thanh N, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay bà Trần Thị Thanh N đã ký kết với Ngân hàng TMCP V (V1). Thông tin cụ thể:

Bà Trần Thị Thanh N có vay vốn tại V1 theo Hợp đồng cho vay số LN2201245147585 ngày 27/01/2022 với tổng số tiền là 850,000,000 đồng (T2 trăm năm mươi triệu đồng). Thông tin cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 850,000,000 đồng (T2 trăm năm mươi triệu đồng);
- Thời hạn vay: 96 tháng;
- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô;
- Phương thức thanh toán: Trả nợ gốc và lãi định kỳ 01 tháng một lần vào ngày 05 hằng tháng.
- Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 6,8%/năm (với một năm là 365 ngày), mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân, hết 12 tháng lãi suất cho vay sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 27/01/2023, ngày điều chỉnh tiếp theo là 01/04/2023 theo lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3,6%/năm;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

**Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:** Xe ô tô nhãn hiệu HONDA mang BKS số 43A-657.01 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015265 do Phòng C công an T3 cấp ngày 25/01/2022 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Trần Thị Thanh N. Tài sản này đã được thế chấp theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2201245147585 ngày 27/01/2022 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Trần Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 05/11/2022 nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn, tính đến ngày 12/09/2024, tổng số tiền bà Trần Thị Thanh N còn nợ là: 1.023.154.870 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 779.159.997 đồng; Nợ lãi trong hạn: 4.485.445 đồng; Nợ lãi quá hạn: 239.509.428 đồng.

Ngày 12/7/2024, Công ty TNHH M1 đã thực hiện bán khoản nợ của khách hàng Trần Thị Thanh N cho Công ty Cổ phần M2 theo Hợp đồng mua bán nợ số: 09/HĐMBN/Galaxy - Jupiter.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M2 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Thanh N phải thanh toán cho Công ty cổ phần M2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 12/09/2024, tổng số tiền Bà Trần Thị Thanh N còn nợ là: 1.023.154.870 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 779.159.997 đồng; Nợ lãi trong hạn: 4.485.445 đồng; Nợ lãi quá hạn: 239.509.428 đồng.

- Đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Thanh N phải thanh toán cho Công ty cổ phần M2 số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng mà Công ty TNHH M1 đã nộp tạm ứng.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày bà Trần Thị Thanh N thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty cổ phần M2

- Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án: cho Công ty cổ phần M2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty, cụ thể như sau: Xe ô tô nhãn hiệu HONDA mang BKS số 43A-657.01 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015265 do Phòng C công an T3 cấp ngày 25/01/2022 thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà Trần Thị Thanh N để thu hồi nợ.

*\* Bị đơn Trần Thị Thanh N không có lời khai trong hồ sơ vụ án:*

*\* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của BLTTDS. Riêng bị đơn bà Trần Thị Thanh N chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M2.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Công ty TNHH M1 và bà Trần Thị Thanh N, bị đơn có địa chỉ: A L, tổ C (cũ), phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thay đổi người tham gia tố tụng: Căn cứ vào hợp đồng mua bán nợ số: 09/HĐMBN/Galaxy - Jupiter ngày 12/7/2024 giữa Công ty TNHH M1 và Công ty Cổ phần M2. Theo đó, nguyên đơn đã bán toàn bộ khoản nợ của bà Trần Thị Thanh N cho Công ty Cổ phần M2. Do vậy, tại thời điểm mua bán nợ Công ty Cổ phần M2 có mọi quyền, nghĩa vụ tố tụng thay thế cho Công ty TNHH M1.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Trần Thị Thanh N đến tham gia phiên tòa đến lần thứ ba và đã Thông báo cho bà N về việc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Công ty TNHH M1 là Công ty Cổ phần M2 nhưng bà N vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung khởi kiện:** Bà Trần Thị Thanh N có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số LN2201245147585 ngày 27/01/2022 với số tiền vay là 850.000.000 đồng (T2 trăm năm mươi triệu đồng). Xét nội dung hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 117 Bộ luật Dân sự và các Điều 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch và được pháp luật công nhận, bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Thanh N phải thanh toán số tiền là 1.023.154.870 đồng, trong đó: Nợ gốc: 779.159.997 đồng; Lãi trong hạn: 4.485.445 đồng; Nợ lãi quá hạn: 239.509.428 đồng (tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024). HĐXX xét thấy, tại Điều 1 của Hợp đồng cho vay số LN2201245147585 ngày 27/01/2022 thể hiện bà Trần Thị Thanh N và Ngân hàng TMCP V ký kết hợp đồng vay với thời hạn 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Trả nợ gốc, lãi tiền vay: Bên vay phải thanh toán gốc, lãi của khoản vay cho bên Ngân hàng theo lịch biểu: Trả nợ gốc: Định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/3/2022. Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/3/2022. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, quy định cụ thể mức lãi suất và nghĩa vụ của các bên khi tham gia ký kết hợp đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà Trần Thị Thanh N có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP V đúng hạn vào ngày 05 hàng tháng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Trần Thị Thanh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 05/11/2022, đã vi phạm các thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp, HĐXX xét thấy: Để đảm bảo cho khoản vay, bà Trần Thị Thanh N đã thế chấp Xe ô tô nhãn hiệu HONDA mang BKS số 43A-657.01 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015265 do Phòng C công an T3 cấp ngày 25/01/2022 thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà Trần Thị Thanh N. Việc đăng ký tài sản đảm bảo và ký kết hợp đồng thế chấp của các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung thế chấp và hình thức thế chấp nên có hiệu lực thi hành và phù hợp với các quy định tại các Điều 117, 298, 317, 401 Bộ luật Dân sự nên hợp đồng thế chấp nêu trên được pháp luật công nhận vào bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bà Trần Thị Nhung N mang tài sản thế chấp đến Trụ sở Tòa án để xem xét thẩm định hiện trạng tài sản thế chấp nhưng bà N không chấp hành. Xác minh tại Phòng C Công an thành phố T3, xác định bà Trần Thị Thanh N, địa

chỉ: Tô C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng hiện đang đứng tên sở hữu xe ô tô biển số 43A-657.01, nhãn hiệu: Honda, số loại CR-VL; loại xe: Ô tô con, màu sơn trắng; số máy: L15BG2344722, số khung: RLHRW1873MY0100316. Do đó, căn cứ quy định tại điều 299 Bộ luật dân sự 2015 Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp khi bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Sau khi bà Trần Thị Thanh N trả hết toàn bộ số nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã kí kết với ngân hàng thì Công ty Cổ phần M2 phải hoàn trả cho bà Trần Thị Thanh N giấy tờ về tài sản thế chấp, đồng thời yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự: Bà Trần Thị Thanh N phải chịu số tiền án phí 42.694.646 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn tạm ứng án phí theo quy định.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng bà Trần Thị Thanh N phải chịu. Nguyên đơn đã nộp và đã chi xong nên buộc bà Trần Thị Thanh N phải trả cho Công ty Cổ phần M2 số tiền 2.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 157, 158, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 117, 298, 299, 317, 320, 323, 398, 401 Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Các Điều 13, 18, 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;
- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M2 đối với bà Trần Thị Thanh N.

**Tuyên xử:**

1. Buộc bà Trần Thị Thanh N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần M2 số tiền: 1.023.154.870 đồng; trong đó nợ gốc: 779.159.997 đồng; Lãi trong hạn: 4.485.445 đồng; Nợ lãi quá hạn: 239.509.428 đồng (tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024).

Kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Thanh N còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất đã ký tại Hợp đồng cho vay số LN2201245147585 ngày 27/01/2022; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 27/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP V với bà Trần Thị Thanh N.

2. **Về xử lý tài sản thế chấp:** Trường hợp bà Trần Thị Thanh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 43A-657.01, nhãn hiệu: Honda, số loại CR-VL; màu sơn trắng; số máy: L15BG2344722, số khung: RLHRW1873MY0100316 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015265 do Phòng C công an T3 cấp ngày 25/01/2022 đứng tên bà Trần Thị Thanh N theo Hợp đồng hợp đồng thế chấp số LN2201245147585 ngày 27/01/2022 sẽ được xử lý theo yêu cầu của Công ty Cổ phần M2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Trần Thị Thanh N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ phần M2 thì Công ty phải trả lại cho bà Trần Thị Thanh N: Bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 015265 do Phòng C công an T3 cấp ngày 25/01/2022 đứng tên bà Trần Thị Thanh N

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:**

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.694.636 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần M2 số tiền tạm ứng án phí 19.689.553 đồng, đã nộp tại biên lai thu số 0002837 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3.2. **Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) bà Trần Thị Thanh N phải chịu. Nguyên đơn đã nộp và đã chi xong nên buộc bà Trần Thị Thanh N phải trả cho Công ty Cổ phần M2 số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKS ND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Phùng Văn Nhớ**